

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1515/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 6425/BTC-TCNH ngày 19 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

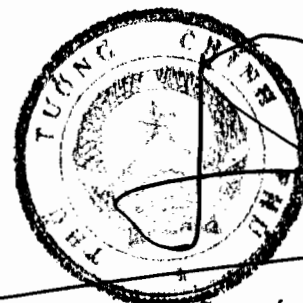
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, TKBT, PL;
- Lưu: VT, KTTH (3b). M.Cường *124*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ban điều hành bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
3. Người điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
4. Đơn vị thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm các ban, trung tâm, văn phòng, bộ phận thuộc trụ sở chính Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
5. Đơn vị trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm các sở giao dịch, chi nhánh tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực, đơn vị sự nghiệp.
6. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Ngân hàng Phát triển Việt Nam với công ty con và ngược lại; người quản lý, người điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, người điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam với công ty con và ngược lại;
 - b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam với người quản lý, người điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc với cấp có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

c) Ngân hàng Phát triển Việt Nam với tổ chức mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên và ngược lại;

d) Người quản lý, người điều hành Ngân hàng phát triển Việt Nam với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;

đ) Ngân hàng Phát triển Việt Nam với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, người điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam và ngược lại;

e) Cá nhân được tổ chức, cá nhân quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này ủy quyền đại diện với chính tổ chức, cá nhân đó; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại một tổ chức với nhau.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Tên gọi:

Tên tiếng Việt: Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Development Bank

Tên viết tắt: VDB

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trụ sở chính đặt tại thủ đô Hà Nội, có sở giao dịch, chi nhánh tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực, một số đơn vị sự nghiệp hạch toán phụ thuộc.

Địa chỉ trụ sở chính: 25A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Website: www.vdb.gov.vn

Số điện thoại: +84.4.37 365 659. Fax: +84.4.37365672

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam là ngân hàng chính sách, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam; có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài, được tham gia hệ thống thanh toán với các ngân hàng và cung cấp dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Nhà nước là chủ sở hữu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Chính phủ thống nhất quản lý thực hiện quyền, nhiệm vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ hoặc ủy quyền cho Bộ Tài chính.

3. Bộ Tài chính thực hiện một số quyền, nhiệm vụ của chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ hoặc theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo phân cấp quy định tại Điều lệ này.

Điều 5. Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là Tổng giám đốc.

Điều 6. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách của Nhà nước và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước.

2. Hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ này.

3. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phân trăm) và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 7. Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 30.000 tỷ đồng (ba mươi nghìn tỷ đồng).

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Điều 8. Thời gian hoạt động

Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam có hiệu lực.

Điều 9. Hoạt động của tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Phát triển Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam; tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Điều 10. Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Hoạt động huy động vốn:

a) Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật;

b) Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Vay Bảo hiểm xã hội Việt Nam; vay của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

đ) Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức trong nước và nước ngoài;

e) Huy động các nguồn vốn khác phù hợp quy định của pháp luật.

2. Hoạt động tín dụng:

a) Cho vay theo chính sách tín dụng của Nhà nước; cho vay các chương trình, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

b) Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

d) Cho vay vốn ngắn hạn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ với nguyên tắc ngân sách nhà nước không cấp bù chênh lệch lãi suất.

3. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác:

a) Nhận ủy thác huy động vốn, ủy thác cho vay theo quy định của pháp luật;

b) Nhận ủy thác điều hành hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa và quỹ tài chính địa phương theo mục tiêu phát triển của địa phương;

c) Ủy thác cho các tổ chức tín dụng thực hiện một số hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật;

d) Ủy thác, nhận ủy thác cung ứng các dịch vụ tài chính, ngân hàng cho khách hàng theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia thị trường liên ngân hàng; tổ chức thanh toán nội bộ; cung cấp các dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngoại hối và các dịch vụ ngân hàng khác cho khách hàng; thực hiện hoạt động ngoại hối; tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 10 của Điều lệ này;

b) Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Chính phủ giao cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và lãi đối với tất cả các khoản vốn mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam huy động từ các tổ chức trong nước và nước ngoài theo đúng cam kết;

d) Thực hiện báo cáo công khai, minh bạch về hoạt động và tài chính; chấp hành chế độ báo cáo thông kê với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

đ) Bảo toàn vốn và được áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn; chịu trách nhiệm về thất thoát vốn do Nhà nước giao và vốn huy động theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được quyền:

a) Được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; mở tài khoản cho khách hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Được thành lập công ty con hoặc tham gia thành lập các công ty liên kết trong và ngoài nước để quản lý, khai thác, bán tài sản để thu hồi nợ sau khi có sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ;

c) Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu liên quan đến dự án đầu tư, phương án kinh doanh, khả năng tài chính, năng lực của khách hàng;

d) Thẩm định dự án, phương án tài chính, phương án kinh doanh, phương án trả nợ của khách hàng, năng lực khách hàng, quyết định cấp tín dụng;

đ) Từ chối cho vay, bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn ngân hàng thương mại đối với các khách hàng, dự án, các khoản vay, khoản bảo lãnh không bảo đảm các điều kiện theo quy định;

e) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng;

g) Chấm dứt việc cho vay; thu hồi nợ trước thời hạn; dừng và thu hồi số tiền hỗ trợ sau đầu tư khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật; từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật về bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn ngân hàng thương mại;

h) Khởi kiện khách hàng hoặc người bảo lãnh vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật;

i) Được xử lý rủi ro theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan;

k) Khi đến hạn trả nợ, nếu các bên không có thoả thuận khác mà khách hàng không trả được nợ thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam được quyền phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

1) Được đề nghị cơ quan thuế, cơ quan hải quan, các tổ chức tín dụng và các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý, thu thập thông tin, cung cấp những thông tin theo quy định của pháp luật liên quan đến khách hàng vay vốn hoặc đang đề nghị vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; khách hàng là doanh nghiệp nhỏ và vừa được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh vay vốn hoặc đang đề nghị được bảo lãnh vay vốn ngân hàng thương mại nhằm phục vụ nhiệm vụ cho vay, bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA** **NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Mục 1 **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA** **NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.

Mục 2 **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 13. Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam, thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu vốn nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam, nhân danh Ngân hàng Phát triển Việt Nam để quyết định, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu, Bộ Tài chính; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, Bộ Tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị khác. Số thành viên của Hội đồng quản trị tối đa là 5 (năm) người, làm việc theo chế độ chuyên trách. Tổng giám đốc Ngân hàng phát triển Việt Nam là thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm; các thành viên Hội đồng quản trị còn lại do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được bổ nhiệm bổ sung hoặc thay thế, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ của mình.

5. Hội đồng quản trị thành lập Ban thư ký Hội đồng quản trị; thành lập một số bộ phận chuyên môn để giúp việc Hội đồng quản trị sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính.

Chức năng nhiệm vụ cụ thể của Ban thư ký và các bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị quyết định.

Chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng của Ban thư ký, của các bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị quyết định theo chế độ quy định và được hạch toán vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

6. Thù lao và các chi phí hợp lý khác của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện nhiệm vụ được giao được tính vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; chế độ lương, thưởng của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định, cụ thể như sau:

a) Trình Bộ Tài chính các nội dung quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 39 Điều lệ này;

b) Trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư các nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 41 Điều lệ này.

2. Ban hành các quy định nội bộ liên quan tới tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật bao gồm:

a) Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, các đơn vị tại hội sở chính; bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ; sở giao dịch, chi nhánh, phòng giao dịch và phê duyệt điều lệ công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước;

b) Quy chế phân công, phân cấp, uỷ quyền trong nội bộ Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, trong đó, quy định rõ trách nhiệm của từng cấp nhằm đảm bảo việc quản trị, điều hành được an toàn, hiệu quả và thông suốt;

c) Các quy chế nghiệp vụ, các quy chế, quy định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Cụ thể hóa chiến lược phát triển; quyết định kế hoạch hoạt động hàng năm và 5 năm sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quyết định kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch huy động và sử dụng vốn hàng năm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

4. Quyết định hoặc phân cấp và uỷ quyền theo quy định của pháp luật và Quy chế phân công, phân cấp, uỷ quyền của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc:

a) Cho vay, bảo lãnh tín dụng đối với từng dự án/khoản vay; các phương án huy động vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

b) Xử lý rủi ro, tổn thất trong việc cho vay vốn tín dụng chính sách của Nhà nước, các khoản cho vay khác và bảo lãnh tín dụng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Quy chế xử lý rủi ro vốn vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

c) Đầu tư xây dựng cơ bản, mua, bán tài sản của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

d) Điều chuyển vốn để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định; điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

5. Phê duyệt: báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo quyết toán tài chính, phân phối kết quả tài chính, trích lập và sử dụng các quỹ và công bố báo cáo thường niên của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

6. Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản, chuyển đổi chủ sở hữu của các sở giao dịch, chi nhánh và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác.

7. Quyết định cơ cấu, số lượng ban hoặc phòng nghiệp vụ tại hội sở chính, sở giao dịch và chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

8. Quyết định biên chế cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trong phạm vi tổng biên chế được giao. Quyết định thang, bảng lương, chế độ trả lương của người lao động và các chức danh trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật. Quyết định hoặc phân cấp và ủy quyền quyết định về cơ chế lương, thưởng đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

9. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng, Phó và các chức danh khác thuộc ban, bộ phận chuyên môn giúp việc Hội đồng quản trị; trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 1 của Điều lệ này; người đại diện quản lý phần vốn góp của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

10. Quyết định việc thay đổi tên, địa điểm, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, phá sản và chấm dứt hoạt động công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Phát triển Việt Nam sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

11. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Quyết định kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch hàng năm của sở giao dịch, chi nhánh và công ty con. Quyết định việc tham gia góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn góp của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại công ty con, công ty liên kết sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

12. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đình chỉ, hủy bỏ, bãi bỏ các văn bản, quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trừ những văn bản do Ban kiểm soát ban hành) trái với nghị quyết, quyết định và các văn bản hiện hành khác của Hội đồng quản trị.

13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; nhận xét, đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc, báo cáo Bộ Tài chính.

14. Nhận xét, đánh giá hàng năm, giám sát hoặc phân cấp giám sát đối với chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị.

15. Quyết định cử các thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đi công tác, học tập trong nước và nước ngoài.

16. Chấp thuận tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo đề nghị của Tổng giám đốc.

17. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Chỉ đạo, giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; ký các văn bản trình cấp có thẩm quyền và xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

4. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị;

5. Tối thiểu mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo chủ sở hữu về kết quả đánh giá này.

6. Thay mặt Hội đồng quản trị ký nhận vốn do Chính phủ giao cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

7. Ký Quyết định cử thành viên Hội đồng quản trị (trừ Tổng giám đốc), các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đi công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài.

8. Trường hợp vắng mặt, ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo cơ chế phân công, ủy quyền do Hội đồng quản trị quy định; thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc biết về việc ủy quyền này.

Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về các công việc được ủy quyền.

9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án, kế hoạch hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

4. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.

5. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Báo cáo trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Họp Hội đồng quản trị và Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; ít nhất một tháng họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) triệu tập và chủ trì để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.

2. Hội đồng quản trị họp bất thường khi có đề nghị của một trong các trường hợp sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Tổng giám đốc hoặc Trưởng Ban kiểm soát;
- c) Ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị.

Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng quản trị biết.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập họp trong vòng 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập nêu tại Điểm b và Điểm c

Khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền không chấp nhận triệu tập cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam, trừ trường hợp không thể triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng. Trong trường hợp này, người đề nghị nêu tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này có thể thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 2 (hai) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt.

6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến tán thành bằng văn bản, trường hợp ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của người chủ trì cuộc họp. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi Chính phủ thì có thể mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức, cơ quan đó tham dự phiên họp. Các phiên họp có nội dung công việc liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Ngân hàng Phát triển Việt Nam thì phải mời đại diện Công đoàn Ngân hàng Phát triển Việt Nam tham dự.

8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản;

b) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm. Biên bản được lập bằng tiếng Việt theo thể thức và các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật;

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Mục 3

BAN KIỂM SOÁT VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo khác của chủ sở hữu và Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát do Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Hội đồng quản trị phải đề nghị Bộ Tài chính bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

6. Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế do Bộ Tài chính ban hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Tài chính về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, chính sách theo quy định của pháp luật và Điều lệ này trong việc quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ Tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo, sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi nếu xét thấy cần thiết.

3. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; có quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm và kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam khi xét thấy cần thiết trước khi báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

5. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị và báo cáo Bộ Tài chính khi phát hiện người quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

6. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản trị, họp Ban điều hành, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp có quyền tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết.

7. Được sử dụng bộ máy kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và trung tâm cán bộ các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

8. Ban kiểm soát được sử dụng con dấu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

9. Thành viên Ban kiểm soát được đào tạo nghiệp vụ kiểm soát. Trường hợp cần thiết, được quyền yêu cầu tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức chuyên ngành và kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát, kể cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên Ban kiểm soát do Bộ Tài chính quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Bộ Tài chính giao.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

2. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

3. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

4. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

6. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

7. Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường và tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Bộ Tài chính.

8. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng phát triển Việt Nam và của Nhà nước.

2. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

3. Kiểm soát các hoạt động, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

4. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng Phát triển Việt Nam cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

6. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

7. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp Ban điều hành, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

8. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo Bộ Tài chính.

9. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 4 **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

Điều 22. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị:

a) Kế hoạch hoạt động, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và 05 năm;

b) Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; kế hoạch tài chính; kế hoạch tuyển dụng, lao động hàng năm;

c) Quy chế phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị mà Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định.

4. Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả.

5. Ban hành, hướng dẫn triển khai theo thẩm quyền các quy chế, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp để điều hành có hiệu quả hoạt động hàng ngày của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

6. Được quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

7. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (gồm: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, các sự cố bất ngờ khác có thể gây thiệt hại cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam nếu không có biện pháp xử lý nhanh và kịp thời) vì lợi ích của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và chịu trách nhiệm về các quyết định này, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

8. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý còn lại trong Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài chính và của Hội đồng quản trị. Quyết định mức lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng.

9. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cơ quan có thẩm quyền về kết quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

11. Quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam cấp tín dụng, ký kết hợp đồng, huy động vốn, đầu tư, thanh lý, bán tài sản của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, điều chuyển vốn, tài sản giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền.

12. Cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị ký nhận vốn do Chính phủ giao cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

13. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

14. Đại diện pháp nhân cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong quan hệ quốc tế liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy chế phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị.

15. Ký các văn bản, thỏa ước, hợp đồng, chứng thư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong công tác đối nội, đối ngoại theo quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền được Hội đồng quản trị phân cấp.

16. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

17. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Điều 24. Bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Các Phó tổng giám đốc đảm nhiệm phụ trách một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo phân công của Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa không quá 05 người. Nhiệm kỳ của Phó tổng giám đốc là 05 năm; Phó tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

3. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

4. Các đơn vị thuộc và trực thuộc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong điều hành công việc theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Mục 5

BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TRƯỞNG CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Điều 25. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

a) Thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ Khoản 2 Điều này;

b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng chống tham nhũng;

c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên

Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

đ) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này;

e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam không được là Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;

c) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam.

3. Bố mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 26. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Thành viên Ban kiểm soát:

a) Không được đồng thời là người điều hành, nhân viên của công ty con của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

c) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người điều hành của tổ chức tín dụng khác.

3. Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc không được đồng thời là người điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác; không được đồng thời tham gia điều hành tại doanh nghiệp khác, trừ trường hợp đó là công ty con của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bổ nhiệm

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này;

b) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Hiểu biết về hoạt động ngân hàng:

- Có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành kinh tế hoặc luật và có ít nhất 03 năm làm người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán;

d) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này;

b) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Có bằng đại học hoặc trên đại học về chuyên ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

đ) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc bao gồm:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này;

b) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;

d) Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;

đ) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này; đối với Phó tổng giám đốc đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ này;

b) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Có bằng đại học trở lên về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

d) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

5. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước.

Điều 28. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
- b) Vi phạm quy định tại Điều 26 Điều lệ này;
- c) Chấm dứt tư cách làm người đại diện theo ủy quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi cơ quan có thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Chức danh được bổ nhiệm trước đây của những người bị đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 29. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
- c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Bị cơ quan có thẩm quyền xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 32 Điều lệ này;
- đ) Không đảm bảo một trong các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 30. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cơ quan có thẩm quyền có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Ban kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 6 CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 31. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Người quản lý, người điều hành của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải công khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và những người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc uỷ quyền, uỷ thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và những người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan hoặc có thay đổi thông tin.

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển Việt Nam và được niêm yết, lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được trên 50% số thành viên của Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 32. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và người điều hành Ngân hàng phát triển Việt Nam

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; trung thành với lợi ích của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; không sử dụng thông tin, bí quyết, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển Việt Nam về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

4. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan vay vốn Ngân hàng Phát triển Việt Nam với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

5. Các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Chương IV VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Điều 33. Vốn hoạt động

1. Vốn chủ sở hữu:

a) Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

- b) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- c) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển;
- d) Kết quả hoạt động chưa phân phối;
- đ) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách nhà nước cấp;
- e) Vốn khác thuộc sở hữu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Vốn huy động:

a) Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo qui định của pháp luật;

b) Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá bằng nội tệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Vay Bảo hiểm xã hội Việt Nam; vay của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

đ) Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức trong và ngoài nước.

3. Các khoản vốn khác gồm:

a) Vốn ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ sau đầu tư;

b) Vốn do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ tín dụng chính sách của Nhà nước và các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; vốn cấp để lập quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh;

c) Vốn vay nước ngoài của Chính phủ được Bộ Tài chính ủy quyền cho vay lại;

d) Vốn nhận ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là bên ủy thác) để cho vay các dự án đầu tư phát triển thông qua hợp đồng ủy thác giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam với bên ủy thác;

đ) Vốn đóng góp tự nguyện không hoàn trả của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức trong nước và nước ngoài;

e) Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Sử dụng vốn

Ngân hàng Phát triển Việt Nam được sử dụng vốn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này.

Chương V TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO VÀ KIỂM TOÁN

Mục 1 TÀI CHÍNH

Điều 35. Chế độ tài chính

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; thực hiện bảo toàn và phát triển vốn; tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý đối với hoạt động tín dụng chính sách của Nhà nước và các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

3. Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quy định theo đề nghị của Bộ Tài chính.

4. Quy chế xử lý rủi ro đối với hoạt động tín dụng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quy định theo đề nghị của Bộ Tài chính.

5. Chế độ tiền lương, tiền công và các khoản mang tính chất lương của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phù hợp với đặc thù hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

6. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Mục 2 HẠCH TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 36. Chế độ kế toán, thống kê

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 37. Báo cáo tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước.

3. Trong trường hợp cần thiết khi nhà tài trợ vốn nước ngoài yêu cầu phải có báo cáo kiểm toán trong hồ sơ vay vốn thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam được thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính.

4. Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện công khai báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

Chương VI

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Điều 38. Quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Quyết định ban hành Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

c) Quyết định ban hành quy chế quản lý tài chính; sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý tài chính; quyết định ban hành quy chế xử lý rủi ro; sửa đổi, bổ sung quy chế xử lý rủi ro đối với hoạt động tín dụng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

d) Quyết định ban hành quy chế cho vay vốn ngắn hạn với nguyên tắc ngân sách nhà nước không cấp bù chênh lệch lãi suất;

đ) Quyết định cho vay vốn ngắn hạn đối với các trường hợp cụ thể khi thấy cần thiết;

e) Quyết định ban hành quy chế cho vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

g) Quyết định ban hành quy chế bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.

h) Quyết định phương án tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

i) Quyết định hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh hàng năm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

k) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, và Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

l) Phê duyệt chiến lược hoạt động; đề án tái cơ cấu; kế hoạch hoạt động, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

m) Phê duyệt đề án thành lập, giải thể, phá sản công ty con, công ty liên kết;

n) Phê duyệt chủ trương việc tham gia góp vốn, nắm giữ tăng, giảm vốn của Ngân hàng phát triển Việt Nam tại công ty con, công ty liên kết.

2. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quyết định kế hoạch tăng trưởng tín dụng hàng năm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

3. Chấp thuận cử Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam đi công tác, học tập ở nước ngoài.

4. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ này và vấn đề khác của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc), Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

4. Trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

a) Quyết định tổng biên chế của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; quyết định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng thực hiện của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định;

b) Thẩm định và chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo thẩm quyền của Bộ Tài chính.

5. Thực hiện quản lý nhà nước về tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Giám sát việc chấp hành pháp luật về tài chính, việc thực hiện chiến lược, kế hoạch thông qua chế độ báo cáo. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao và kết quả hoạt động. Đánh giá đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát trong việc quản lý điều hành.

6. Thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính theo quy định của pháp luật về thanh tra.

7. Chỉ đạo Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

8. Quyết định cử Trưởng ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát ở nước ngoài.

9. Cấp đủ vốn điều lệ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo đúng lộ trình tăng vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

10. Làm đầu mối xử lý những vấn đề chung và những vấn đề liên ngành của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

11. Hướng dẫn Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện:

a) Quy chế tài chính, chế độ kế toán, chế độ báo cáo;

b) Quy chế xử lý rủi ro vốn tín dụng chính sách của Nhà nước.

12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Quyền, trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

1. Hướng dẫn phân loại nợ và các quy định đảm bảo an toàn trong hoạt động phù hợp với tính chất và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Hướng dẫn tham gia hoạt động thanh toán, tham gia thị trường mở, thị trường liên ngân hàng, vay tái cấp vốn từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Quyết định việc cấp giấy phép hoạt động quản lý ngoại hối phù hợp với nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

4. Thanh tra, giám sát Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiền tệ, ngân hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 41. Quyền, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch, đầu tư phát triển đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch tăng trưởng tín dụng chính sách của Nhà nước để Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ bố trí kinh phí cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 42. Quyền, trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định chức danh thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 43. Quyền, trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

1. Hướng dẫn Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện các chính sách, chế độ về tuyển dụng, thù lao, tiền lương, tiền thưởng.

2. Kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện chế độ tuyển dụng, thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ, viên chức của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc quyết định quỹ tiền lương thực hiện của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng theo chế độ quy định.

Điều 44. Các Bộ, ngành chức năng khác

Các Bộ, cơ quan chức năng khác thực hiện quản lý nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo chức năng và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương VII

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Điều 45. Trao đổi thông tin

Ngân hàng Phát triển Việt Nam được trao đổi thông tin về hoạt động ngân hàng và khách hàng với các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài.

Điều 46. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, nhân viên của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

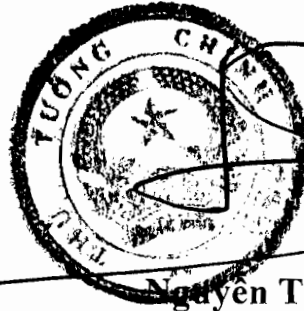
Điều 47. Điều khoản chuyển tiếp

Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định tại Điều lệ này cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bổ nhiệm.

Điều 48. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ do Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn